

MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THEO HƯỚNG TIẾP CẬN PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC

TS. BÙI THỊ THU HƯƠNG
Học viện Quản lý Giáo dục

1. Đặt vấn đề

Một trong những nội dung đổi mới, mang tính hành động cụ thể tại Nghị quyết số 29 - NQ/TW về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là chuyển đổi giáo dục sang hướng phát triển năng lực người học. Đây là một trong những chuyển biến căn bản, có tính đột phá, có thể khắc phục được một số tồn tại của giáo dục nói chung, giáo dục đại học nói riêng. Cùng với đào tạo theo hướng phát triển năng lực người học, công tác kiểm tra, đánh giá - một thành tố cơ bản và đặc biệt quan trọng trong việc thiết kế chương trình đào tạo - cũng cần phải có những đổi mới rất cơ bản, chuyển từ đánh giá mục tiêu môn học (kiểm tra, đánh giá người học đã học được những gì) sang đánh giá năng lực người học (người học đạt được những năng lực gì). Để đạt được những mục tiêu này, nhiệm vụ đặt ra cho các nhà quản lý giáo dục đó là cần phải xây dựng chương trình giáo dục đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của đào tạo theo hướng phát triển năng lực người học. Trong đó, xác định mục tiêu của chương trình giáo dục là một trong những yếu tố then chốt, chỉ đạo việc xây dựng nội dung của toàn bộ chương trình giáo dục đó.

2. Năng lực trong đào tạo

Khái niệm năng lực (*competency*) được hiểu là khả năng hành động. Như vậy, phát triển năng lực sẽ đồng thời với việc phát triển năng lực hành động. Với cách tiếp cận đó, trong đào tạo đại học, năng lực còn được hiểu là: *Khả năng hành động có trách nhiệm và hiệu quả để giải quyết các nhiệm vụ, vấn đề tồn tại trong thực tiễn mang tính cấp thiết thuộc các lĩnh vực xã hội trên cơ sở nền tảng của tri thức, mức độ hiểu biết, khả năng vận dụng kĩ năng, kĩ xảo và kinh nghiệm cũng như đạt đến mức độ của khả năng sẵn sàng hành động để thay đổi thực trạng.*

3. Những năng lực người học cần phải đạt được

- Năng lực chuyên môn (*Professional competency*): Là khả năng thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn cũng như phương thức đánh giá kết quả chuyên môn một cách độc lập. Khả năng đó được xây dựng trên cơ sở nền tảng từ những mục tiêu của giáo dục, giúp người học hình thành và phát triển tư duy logic, tư duy hệ thống, đặc biệt là tư duy sáng tạo để quan sát, nhận biết được bản chất và thuộc tính của mọi sự vật, hiện tượng tồn tại ở thế giới khách quan, tìm ra được

nguyên lý và quy luật cơ bản của chúng;

- Năng lực phương pháp (*Methodical competency*): Là cách thức hành động có kế hoạch, đạt được mục đích trong việc giải quyết các nhiệm vụ được giao; cách thức giải quyết hiệu quả những vấn đề được phát hiện trong xã hội mang tính cấp thiết;

- Năng lực xã hội (*Social competency*): Là khả năng đạt được mục đích trong những tình huống xã hội và trong những nhiệm vụ khác nhau với sự phối hợp chặt chẽ với những thành viên khác. Trọng tâm là: Ý thức được trách nhiệm của bản thân và của những người khác, tự chịu trách nhiệm, tự tổ chức; Có khả năng thực hiện các hành động xã hội, khả năng cộng tác và giải quyết xung đột;

- Năng lực cá thể (*Individual competency*): Là khả năng phát triển những ưu điểm cá nhân, khắc phục những hạn chế; định hướng kế hoạch phát triển cá nhân trong tương lai; luôn đề cao, tôn trọng và bảo vệ những giá trị sống được xây dựng dựa trên những quan điểm, chuẩn mực đạo đức, từ đó chi phối các hành vi giao tiếp và ứng xử trong cuộc sống.

4. Chương trình giáo dục

4.1. Khái niệm về chương trình giáo dục

Theo tác giả Nguyễn Đức Chính, chương trình giáo dục là một bản kế hoạch, trình bày một cách có hệ thống toàn bộ hoạt động giáo dục và đào tạo trong một cơ sở giáo dục, trong một thời gian xác định, trong đó có mô tả mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục, nội dung đào tạo với độ rộng và độ sâu tương ứng với chuẩn đầu ra, phương thức đào tạo, bao gồm: Hình thức tổ chức dạy - học với các phương pháp, phương tiện, công cụ dạy học phù hợp và cuối cùng là hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo (đối chiếu với chuẩn đầu ra) [1].

Như vậy, với định nghĩa trên, tác giả Nguyễn Đức Chính đã phân tích rõ nội hàm của chương trình giáo dục, cho thấy chương trình giáo dục mô tả và quy định toàn bộ hoạt động trong một cơ sở giáo dục với một thời gian xác định, trong đó bao gồm các khâu thiết kế chương trình, thực thi chương trình (dạy, học, kiểm tra - đánh giá, nội khóa, ngoại khóa, thí nghiệm, dã ngoại ...) và đánh giá cải tiến chương trình cho các khóa sau.

Cũng theo định nghĩa này, chương trình giáo dục không chỉ là các văn bản quy định các môn học

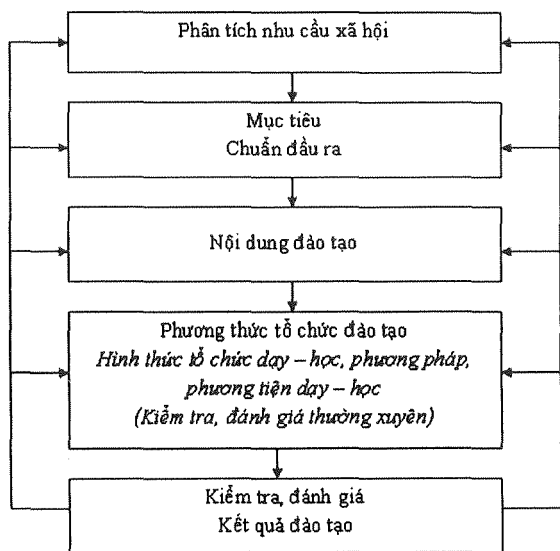


mà còn là toàn bộ hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá... Tất cả những vấn đề trên liên quan chặt chẽ, quy định, ràng buộc lẫn nhau, không thể xem xét một cách riêng rẽ.

4.2. Cấu trúc của chương trình giáo dục

Từ những nghiên cứu và phân tích làm rõ nội hàm của khái niệm chương trình giáo dục, tác giả Nguyễn Đức Chính đã mô tả chương trình giáo dục theo sơ đồ sau:

Hình 1: Cấu trúc của chương trình giáo dục



(Nguồn: Nguyễn Đức Chính, *Chương trình giáo dục đại học*, Báo cáo thường niên giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012)

Theo sơ đồ trên, chúng ta nhận thấy, cấu trúc của chương trình có các thành tố: Mục tiêu, chuẩn đầu ra (đây là thành tố quan trọng nhất quy định các thành tố còn lại), nội dung đào tạo (các môn học với phạm vi và mức độ tương ứng chuẩn đầu ra), phương thức đào tạo, hình thức tổ chức dạy học với các phương pháp, phương tiện giúp đạt chuẩn đầu ra một cách hiệu quả nhất và cuối cùng là các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập nhằm đối chiếu kết quả học tập với chuẩn đầu ra. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi phân tích, làm rõ nội dung xác định mục tiêu, xây dựng chuẩn đầu ra.

- Mục tiêu của chương trình giáo dục là định hướng về kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực mà người học, người dạy, nhà quản lý phải tuân thủ trong quá trình đào tạo. Mục tiêu còn định hướng cho việc xác định chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục;

- Chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục là tổng hòa kiến thức, kỹ năng, thái độ. Bao gồm kỹ năng chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực thực hành, kỹ năng giải quyết vấn đề, các kỹ năng mềm như kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng giao tiếp (bằng ngôn ngữ, bằng phương tiện, bằng ngoại ngữ), kỹ năng sử dụng

công nghệ thông tin và truyền thông, phẩm chất đạo đức, trách nhiệm công dân mà sinh viên phải và có thể thực hiện được để đáp ứng một cách sáng tạo yêu cầu hiện tại và tương lai tại vị trí làm việc cũng như trong cuộc sống;

- Chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục trong kỷ nguyên thông tin phải được xây dựng trên cơ sở năng lực (*Competence-based curriculum*);

- Năng lực được hiểu là "tổ hợp các hoạt động dựa trên sự huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng khác nhau để giải quyết vấn đề (bao gồm cả kiến tạo kiến thức mới) hoặc có cách ứng xử phù hợp trong bối cảnh cuộc sống thực";

- Tổ hợp các hoạt động tức là các thao tác được tổ chức một cách có chủ ý và hợp lý nhờ vào việc huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn kiến thức từ bản thân, bạn bè, internet, thầy cô và cuộc sống hàng ngày. Nghĩa là, những kiến thức, kỹ năng tiếp thu được trong nhà trường không những được sử dụng như một phương tiện để hành động mà còn là công cụ để tư duy. Đó không phải là những kiến thức, kỹ năng đơn lẻ, được sắp xếp bên cạnh nhau một cách cơ học và được sử dụng một cách tự động hóa. Đó phải là khả năng huy động một cách có chủ đích các nguồn kiến thức khác nhau để tìm ra câu trả lời hay giải pháp phù hợp cho các vấn đề trong cuộc sống luôn phát triển hoặc để kiến tạo kiến thức mới;

- Chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục Đại học được xây dựng theo các nguyên tắc sau: Đáp ứng trình độ đại học; Đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp tương lai; Đáp ứng yêu cầu phát triển của từng cá nhân.

Chuẩn đầu ra bậc Đại học được xây dựng trong các lĩnh vực:

- Năng lực nhận thức/kiến thức (khối kiến thức đại cương; khối kiến thức cơ sở, nhóm ngành; khối kiến thức cơ sở ngành; khối kiến thức chuyên ngành; khối kiến thức đặc thù/ngành vụ);

- Năng lực hành động (các kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, kỹ năng mềm);

- Năng lực nghề nghiệp (năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy hệ thống, tư duy phê phán; năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự xử lý thông tin);

- Các kỹ năng mềm (kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp (ngôn ngữ, phương tiện, ngoại ngữ); năng lực quản lý và lãnh đạo);

- Phẩm chất nghề nghiệp, trách nhiệm công dân.

Trong thành phần chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục Đại học có hai nhóm cơ bản: Nhóm liên quan đến chuyên môn, nghề nghiệp tương lai của sinh viên (ngành đào tạo); Nhóm liên quan đến phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, các kỹ năng mềm trong đó có những kỹ năng đặc trưng cho công dân kỷ nguyên thông tin.

Trong cấu trúc của một chương trình giáo dục thì chuẩn đầu ra theo năng lực là yếu tố quan trọng nhất

quyết định việc lựa chọn, tổ chức nội dung đào tạo (các môn học), định hướng tổ chức quá trình đào tạo (phương thức đào tạo, hình thức tổ chức dạy - học, phương pháp, phương tiện dạy học) và là chuẩn cho các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo. Hơn nữa, chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục còn phải phục vụ cho triết lý giáo dục Việt Nam phù hợp với đặc trưng tâm lý, văn hóa, xã hội, lịch sử, giáo dục của Việt Nam ở giai đoạn hiện tại;

- Chuẩn đầu ra và các yếu tố khác của chương trình giáo dục theo năng lực: Chuẩn đầu ra quyết định việc lựa chọn và tổ chức nội dung đào tạo (các môn học); Chuẩn đầu ra liên quan đến chuyên môn, nghề nghiệp, tương lai của sinh viên (ngành đào tạo). Chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục theo cách tiếp cận năng lực đòi hỏi phải tổ chức nội dung đào tạo theo hướng tích hợp với độ rộng và độ sâu tương ứng với chuẩn đầu ra. Các môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương, nhóm ngành, cơ sở ngành và chuyên ngành phải được tổ chức thành các môn khoa học (không phải là môn học), với số tín chỉ đủ lớn (≥ 3) để có thể cung cấp cho sinh viên khối kiến thức đủ rộng để hình thành phương pháp luận, hình thành năng lực giải quyết vấn đề liên quan đến cuộc sống sau khi tốt nghiệp. (Qua nghiên cứu, tác giả Nguyễn Đức Chính đã khẳng định, nếu triển khai thực hiện bằng cách này có thể giảm số môn học trong cả khóa đào tạo xuống ≤ 40 môn/học phần cho một khóa đào tạo). Ngoài ra, các môn học phải được mô-đun hóa để có thể lắp ghép với nhau một cách dễ dàng, tạo thuận lợi cho sinh viên có kế hoạch tích lũy các tín chỉ phù hợp với bản thân, đồng thời tạo sự liên thông giữa các ngành học.

Để thực hiện, các mô-đun phải có số tín chỉ bằng nhau (ví dụ, 3, 4 tín chỉ chẳng hạn) hoặc bằng bội số của nhau (đối với các mô-đun cơ sở ngành), hoặc bằng ước số của nhau (đối với các mô-đun tự chọn); Chuẩn đầu ra liên quan đến phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, kỹ năng mềm; Nhóm chuẩn đầu ra này phải được thể hiện trong phương thức đào tạo, hình thức tổ chức, phương pháp dạy học và nhất là trong kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo, tức là trong kế hoạch thực thi chương trình giáo dục;

- Chuẩn đầu ra và quá trình đào tạo: Chuẩn đầu ra định hướng tổ chức quá trình đào tạo, bao gồm phương thức tổ chức đào tạo, các phương thức tổ hợp các mô-đun để tiến tới có được một văn bằng, các hình thức tổ chức dạy học, phương pháp, phương tiện dạy học và kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo.

Phương thức đào tạo phải tạo cơ hội để sinh viên có các phương thức tổ hợp các mô-đun theo cách phù hợp nhất với các nguồn lực của bản thân (cần có số môn tự chọn đủ lớn để sinh viên có nhiều lựa chọn, các môn học bắt buộc phải được tổ chức vào các thời điểm và khung giờ khác nhau).

Quá trình dạy học trong giáo dục nói chung và đặc biệt trong giáo dục đại học phải lấy việc học làm gốc. Kiến thức là cơ sở để hình thành năng lực. Tránh tiếp thu kiến thức một cách thụ động, sinh viên phải chủ động chiếm lĩnh kiến thức (dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người thầy). Như vậy, quá trình dạy học bậc Đại học phải chuyển hẳn từ việc truyền thụ kiến thức một chiều sang dạy cách học, cách nghiên cứu, cách giải quyết vấn đề, rèn luyện năng lực tư duy phê phán, tư duy hệ thống, năng lực khai thác, xử lý thông tin...

Chỉ dạy học những vấn đề cốt lõi: Để rèn luyện được năng lực đòi hỏi phải có đủ thời gian, sinh viên phải sử dụng nhiều lần, lặp đi lặp lại mới có thể tăng cường năng lực cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Nếu chương trình tập trung rèn luyện năng lực thì cũng có nghĩa là chỉ nên tập trung vào số lượng năng lực chọn lọc và lượng kiến thức tương ứng để sinh viên có đủ thời gian rèn luyện, kiến tạo và phát triển những năng lực đó.

Việc lựa chọn cách tiếp cận theo năng lực trong trường đại học còn muốn nhấn mạnh trong thời gian học tập tại trường, sinh viên phải được rèn luyện, kiến tạo những năng lực cho phép. Họ tự kiến tạo những kiến thức, kỹ năng mới để thích nghi với môi trường sống luôn thay đổi sau này. Đây là cơ sở để xác định hai loại năng lực: Năng lực xuyên suốt chương trình giáo dục với tư cách là công cụ để học tập suốt đời và năng lực gắn với các môn học trong chương trình giáo dục đại học.

Học tích hợp: Khuynh hướng phát triển của xã hội hiện đại là sự phụ thuộc lẫn nhau với mức độ ngày càng cao trong tất cả các lĩnh vực khoa học và đời sống. Chính vì vậy, những kiến thức đơn lẻ được truyền đạt từ giảng viên không còn phù hợp nữa. Cần phải học tích hợp để hình thành và phát triển được phương pháp luận, hình thành tư duy sáng tạo để rèn luyện khả năng kết hợp các nguồn kiến thức khác nhau, giúp sinh viên có khả năng giải quyết các vấn đề phức tạp sau khi tốt nghiệp.

5. Nội dung và phương pháp dạy học theo tiếp cận phát triển năng lực người học

Khi đã xác định được mục tiêu của chương trình giáo dục theo hướng tiếp cận phát triển năng lực người học, chúng ta sẽ định hướng việc thiết kế nội dung và lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp với mục tiêu.

Nội dung dạy học theo hướng tiếp cận phát triển năng lực người học không chỉ giới hạn trong tri thức và kỹ năng chuyên môn mà sẽ được lồng ghép với thực hành để phát triển được các năng lực đã nêu.

Phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận phát triển năng lực người học không những chú trọng phát triển nâng cao tri thức cho người học mà còn hướng đến việc rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề gắn với

(Xem tiếp trang 21)